

Số: 69 /2019/QĐ-UBND

Long An, ngày 30 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định cơ quan thẩm định đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản và phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 7479/TTr-SNN ngày 12/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ quan thẩm định đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản và phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*Ủy ban nhân dân cấp huyện*); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*Ủy ban nhân dân cấp xã*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Cơ quan thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định.

1. Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo quyết định này, trừ các cơ sở tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quyết định này và điểm e, g khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

2. Trường hợp một cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định của hai đơn vị thì Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan để thực hiện thẩm định.

Điều 4. Phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Thực hiện theo phân công tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được phân cấp

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi các cơ quan, đơn vị được phân cấp thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của quyết định này.

b) Chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở được phân cấp thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tổ chức thu mẫu giám sát, cảnh báo an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm.

d) Thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chế độ báo cáo hiện hành. Thời gian báo cáo: Báo cáo tháng trước ngày 20 hàng tháng, báo cáo sơ kết 6 tháng trước ngày 15/6 hàng năm và báo cáo tổng kết năm trước ngày 10/12 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều 4 của quyết định này.

b) Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường tổ chức thu mẫu giám sát, cảnh báo an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc lĩnh vực được phân cấp cho cấp huyện, cấp xã quản lý; hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện quyết định này tại địa phương.

c) Bố trí cân đối đủ kinh phí cho cơ quan, đơn vị được phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý.

d) Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn quản lý về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*qua Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản*) theo chế độ báo cáo hiện hành để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định. Thời gian báo cáo: Báo cáo tháng trước ngày 15 hàng tháng, báo cáo sơ kết 6 tháng trước ngày 10/6 hàng năm và báo cáo tổng kết năm trước ngày 05/12 hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản được phân cấp quản lý trên địa bàn quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, bố trí kinh phí thực hiện.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo quy định đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản được phân cấp quản lý.

c) Tổ chức cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản được phân cấp quản lý ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn, tổ chức kiểm tra thực hiện cam kết và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở không chấp hành nội dung cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo đúng quy định của Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

d) Cử cán bộ tham dự các lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp kiểm tra, quản lý.

đ) Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, cam kết sản xuất an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản được phân cấp quản lý theo quy định.

e) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp quản lý về Ủy ban nhân dân cấp huyện (*qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thị xã/ thành phố*) để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thời gian báo cáo: Báo cáo tháng trước ngày 12 hàng tháng, báo cáo sơ kết 6 tháng trước ngày 07/6 hàng năm và báo cáo tổng kết năm trước ngày 02/12 hàng năm.

Điều 6. Kinh phí thực hiện hàng năm

Kinh phí quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

1. Đối với cấp tỉnh:

Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối và theo phân cấp nhân sách.

2. Đối với cấp huyện, cấp xã:

Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kinh phí, quyết định giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã được giao nhiệm vụ để thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2020 và thay thế Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp cơ quan kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản và quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 8. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 8;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm soát TTTC – Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Cục Quản lý chất lượng NLS và TS;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT PVHCC (Cổng thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo tỉnh Long An;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, SNN, Nguyen.

QĐ_ QUY ĐỊNH CQTD DU DK ÁTTP TH KHAC (7479)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Cử

nguyen

Phục lục 1. Cơ quan thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày /12/2019 của UBND tỉnh Long An)

STT	Cơ quan thực hiện	Thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm
01	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật.
		Cơ sở thu gom, bảo quản, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.
		Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ cho bảo quản, chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản.
		Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản.
		Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản.
		Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối i-ốt.
		Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
		Nông sản thực phẩm khác thuộc lĩnh vực phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
02	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc chăn nuôi, thủy sản.
		Cơ sở giết mổ tập trung.
		Tàu cá (có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)

Phục lục 2. Cơ quan quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày /12/2019 của UBND tỉnh Long An)

STT	Cơ quan thực hiện	Quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
01	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường	Sơ chế nhỏ lẻ
		Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ
		Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn
02	UBND các xã, phường, thị trấn	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ
		Cơ sở sản xuất, kinh doanh không có địa điểm cố định, kể cả tàu cá (có chiều dài lớn nhất nhỏ hơn 15 mét)